TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày 21-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Thụ.
Ông Trương Văn Hợp.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn L** (tên gọi khác: không), sinh ngày 05 tháng 5 năm 1989 tại Q, K, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm Bản L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L, sinh năm 1949 và bà Nông Thị D, sinh năm 1948; vợ: Nông Thị H, sinh năm 1982; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2021 đến ngày 28/04/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh; có mặt.

2. Họ và tên: **Vi Văn C** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1982 tại Q, K, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm Bản L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L, sinh năm 1949 và bà Nông Thị D, sinh năm 1948; vợ: Ngô Thị Sang, sinh năm 1983; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo cho* các bị cáo *Vi Văn L, Vi Văn C:* Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nông Thị H, sinh năm 1983;

Trú tại: Bản L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Thị H, sinh năm 1986; vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B.

2. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997; vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ1, xã S, huyện N, tỉnh B.

3. Vi Thị N2, sinh năm 2002; vắng mặt.

4. Vi Thị V1, sinh năm 2004; vắng mặt.

Cùng trú tại: Bản L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 23/2/2021 tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu T1 phối hợp Công an huyện K đang làm nhiệm vụ tại khu vực N-R, thị trấn T1, huyện K phát hiện Đặng Thị H sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã Tự Mại, huyện Y, tỉnh B và Nguyễn Thị H sinh năm 1997, trú tại thôn Đ1, xã S, huyện N, tỉnh B đang được Vi Văn C dẫn từ khe suối N1 hướng ra mốc 732 có dấu hiệu xuất cảnh trái phép, tổ công tác đã yêu cầu ba người dừng lại để kiểm tra, lập tức Chiến vứt một túi hành lý và bỏ chạy lên núi, tổ công tác đã đưa được H, H1 đến Đồn Biên phòng cửa khẩu T1 để làm rõ. Ngày hôm sau Vi Văn C, Vi Văn L được mời đến Đồn Biên phòng cửa khẩu T1 để làm rõ vụ việc.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Năm 2018 Vi Văn L đi sang Trung Quốc làm thuê nên có số điện thoại của một người đàn ông Trung Quốc (không rõ họ tên) nhà ở Trịnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc; Còn Đặng Thị H trước đó cũng được sang Trung Quốc buôn bán nên có quen biết một người tên là Lê Ngọc A (không rõ địa chỉ cụ thể); Cuối năm 2020 do có nhu cầu sang Trung Quốc nên H hỏi Ngọc A cách thức, Đ1 đi sang Trung Quốc, Ngọc A cho H một tài khoảng mạng xã hội và nói "người sử dụng tài khoản &&& này có thể đưa H sang Trung Quốc được"; Cùng thời gian này qua mạng xã hội H quen biết Nguyễn Thị H, qua nói chuyện H1 cũng đang có nhu cầu đi sang Trung Quốc làm thuê, nên hai người

đã thống nhất cùng nhau đi. Đến ngày 19/2/2021 H dùng tài khoản Wechat "Tú Tú" kết bạn với tài khoản "&&&" của Vi Văn L do Ngọc A cho, sau khi trao đổi việc đón, dẫn người sang Trung Quốc, L đồng ý, hai bên thống nhất ngày đi sẽ thông báo sau. Đồng thời L liên lạc với người Trung Quốc, người này đồng ý đón ở mốc 732, giá thỏa thuận 1.300 CNY/1 người, L đồng ý, sau đó L thông báo lại cho H giá 2.000 CNY/1 người, H bảo L sẽ có hai người đi, nên L gửi số điện thoại (0961.266.024) của mình cho H để tiện liên lạc. Ngày 23/2/2021 H và H1 theo xe khách từ tỉnh B đến thành phố Cao Bằng và đi taxi vào thị trấn T1 theo hướng dẫn của L, khi đến thị trấn T1, H gọi điện cho L đón, nhưng do việc bận nên L bảo Vi Thị N sinh năm 2002 và Vi Thị V sinh năm 2004 (là cháu của L) ra thị trấn T1 đón H1, H về nhà của Vi Văn Đ1 sinh năm 1980 (là anh ruột của L), L hứa trả tiền xe ôm cho N2, V1 mỗi người 100.000 đồng, nhưng không nói cho N2, V1 biết việc 02 phụ nữ sẽ xuất cảnh trái phép, nói xong L sang nhà Vi Văn C bảo Chiến sang nhà Đ1 để đưa người qua mốc 732, L hứa trả công cho Chiến 300.000 đồng/1 người, Chiến đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H thông báo đã đến nhà Đ1; từ nhà Chiến, L đi về nhà lấy 2.100 CNY và đến nhà Đ1 (lúc này Đ1 không có nhà) thì gặp H, H1, Chiến ở đó; H bảo H1 chuyển khoản vào tài khoản AGRIBANK (830520509918) của Nông Thị H sinh năm 1982 (vợ của L) số tiền 7.560.000 đòng theo hướng dẫn của L và nhận 2.100 CNY từ L, khi L đề nghị trả tiền công thì H1 chuyển cho 5.000.000 đồng vào tài khoản của Hảo, sau đó L đi về nhà. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày Vi Văn C dẫn H, H1 đi bộ theo Đ1 mòn hướng đến mốc 732 thuộc địa phận xóm N1, thị trấn T1 khi cách mốc 732 khoảng 01 km thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng T1 phát hiện và ra hiệu lệnh kiểm tra, Chiến đã vứt lại túi đồ chạy thoát lên núi, tổ công tác đưa H1, L về Đồn Biên phòng T1 để làm rõ. Ngày hôm sau 24/2/2021 Chiến, L được cán bộ Đồn Biên phòng T1 mời lên làm việc, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 73/CTr-VKSCB(P1) ngày 26/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Vi Văn L, Vi Văn C về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng. Bị cáo Vi Văn L đề nghị Tòa xem xét trả lại số tiền 7.560.000đ vì đây là tiền do làm thuê mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H tại cơ quan điều tra trình bày: Ngày 24/02/2021 chồng bà là Vi Văn L có chuyển tiền vào số tài khoản của bà với số tiền 12.560.000đ; lý do gì Vi Văn L chuyển tiền vào tài khoản thì bà không biết, đến ngày 12/3/2021 bà đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan An ninh điều tra. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà không có ý kiến gì về số tiền này, do Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy tố đối với Vi Văn L, Vi Văn C về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*; Về hình phạt: Đối với bị cáo Vi Văn L: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt 12 – 18 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng tù. Đối với bị cáo Vi Văn C: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Vi Văn C từ 12- 18 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Vi Văn L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng, màu xanh đã qua sử dụng, vỡ vỏ phía sau.

- Đối với số tiền: 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó có 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền do H, Hiền đổi tiền và 5.000.000đ (năm triệu đồng) là tiền công H, Hiền trả công đưa người cho bị cáo Vi Văn L; đề nghị trả lại số tiền 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vi Văn L cho bị cáo Vi Văn L.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa Nguyễn Thị Dạ Thảo trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo đều phạm tội chưa đạt; bị cáo L tác động để vợ nộp lại số tiền do phạm tội mà có. Về nhân thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực biên giới, điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; Nhân thân các bị cáo tốt, không có tiền án, tiền sự, đều làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đối với bị cáo L là lao động chính trong gia đình, bố mẹ già yếu, bố là người có công với cách mạng, bị cáo có 02 con còn nhỏ. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có bố đẻ là tH binh, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo chưa đưa được người sang Trung Quốc do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ xử bị cáo L mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị; đối với bị cáo Chiến cho bị cáo hưởng án treo và xử mức án thấp nhất Kiểm sát đề nghị.

Về vật chứng vụ án: Nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát; Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra V1, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát V1 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Thông qua một người tên là Lê Ngọc A đang sinh sống ở Trung Quốc, H có tài khoản mạng xã hội "&&&" của Vi Văn L. Do có nhu cầu đi sang Trung Quốc, H đã trao đổi kết bạn để L đón, dẫn Đ1, L đồng ý và rủ Vi Văn C cùng thực hiện. Trước đó L đã thỏa thuận với H giá đón, dẫn là 2.000 CNY/1 người. Ngày 23/2/2021 H cùng H1 từ tỉnh B đến thị trấn T1 và được L đón vào nhà Vi Văn Đ1, tại đây H đã chuyển qua tài khoản cho L 5.000.000 đồng, H đổi 7.560.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam với L được 2.100 CNY. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày khi Chiến đang dẫn H, H1 đến khu vực mốc 732 thì bị phát hiện ngăn chặn.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, 02 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cả 02 bị cáo là anh em trong gia đình rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Vi Văn L giữ vai trò chính, là người trực tiếp câu kết móc nối với đối tượng người Trung Quốc để tổ chức cho 02 công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và bị cáo là người trao đổi liên lạc với Đặng Thị H; sau đó bị cáo đề nghị Vi Văn Chiến thực hiện đưa 02 công dân đến khu vực mốc biên giới số 732 để giao cho người Trung Quốc. Đối với Vi Văn C là người trực tiếp thực hiện hành vi đưa dẫn 02 công dân H, Hiền đi bộ đến khu vực Mốc 732 thuộc N-R, thị trấn T1, huyện K, tỉnh Cao Bằng để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của các bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động, làm thuê không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến quyền lợi của người lao động không được bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, nhất là trong tình hình dịch bệnh covit-19 hiện nay trong nước và quốc tế đang diễn biến phức tạp.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo Vi Văn L có nhân thân tốt, bị cáo Vi Văn C vào năm 2009 bị Công an huyện K xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ăn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có bố đẻ là ông Vi Văn L là thương binh và ông L được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; ngoài ra bị

cáo L tác động vợ nộp lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) do phạm tội mà có, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; vai trò, nhân thân các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét về vai trò các bị cáo trong vụ án thì bị cáo Vi Văn L cần có hình phạt cao hơn bị cáo Vi Văn C.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Vi Văn L là không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên đối với bị cáo Vi Văn Chiến là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo có Lê Ngọc A đang sinh sống ở Trung Quốc được cho H số tài khoản &&& của L, để H liên lạc xuất cảnh trái phép, ngoài lời khai H ra cơ quan điều tra không có điều kiện tương trợ tư pháp để mở rộng vụ án.

Đối với Vi Văn Đ1, Vi Thị N, Vi Thị V không biết hai phụ nữ xuất cảnh trái phép, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ. Đối với Nông Thị H không biết việc chuyển tiền vào tài khoản mình là tiền công đưa người xuất cảnh trái phép, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Đối với Đặng Thị H, Nguyễn Thị H có mục đích xuất cảnh trái phép sáng Trung Quốc để làm thuê. Cơ quan điều tra đã đề nghị chính quyền địa pH có biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với các công dân, không để tái diễn hành vi này.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xét đề nghị của viện kiểm sát về xử lý số vật chứng là có căn cứ, do vậy cần xử:

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Vi Văn L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng, màu xanh đã qua sử dụng, vỡ vỏ phía sau.

Đối với số tiền: 12.560.000 đồng (mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó có 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mười nghìn đồng) là tiền do H, Hiền đổi tiền và 5.000.000đ (năm triệu đồng) là tiền công H, Hiền trả công đưa người cho bị cáo Vi Văn L; đề nghị trả lại số tiền 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mười nghìn đồng); số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trả lại 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vi Văn L cho bị cáo Vi Văn L.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C, xử phạt:

Vi Văn L 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2021 đến ngày 28/04/2021.

- Vi Văn C 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 24/2/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: Đối với bị cáo Vi Văn L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng, màu xanh đã qua sử dụng, vỡ vỏ phía sau. Máy bật không lên nguồn không kiểm tra chi tiết bên trong.

Trả lại cho bị cáo Vi Văn L: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vi Văn L.

Đối với số tiền 12.560.000đ (mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Tịch thu số tiền đối với bị cáo Vi Văn L do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn); trả cho bị cáo Vi Văn L số tiền 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 99 ngày 31 tháng 05 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Vi Văn L, Vi Văn C có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nông Thị H có quyền kháng cáo phần bản án hình sự sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện A;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- UB kiểm tra huyện ủy K;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa

THÀNH V1 HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thụ **Trương Văn Hợp** **Nông Biên Hòa**